

Số: 268/2024/QĐST-HNGĐ

Yên Sơn, ngày 23 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 233/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: **Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình.**

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn T1**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2024;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Đặng Thị T** và anh **Đỗ Văn T1** (*Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2014, quyển số 01/2012 ngày 04/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị **Đặng Thị T** và anh **Đỗ Văn T1** đều xác nhận có 02 con chung là cháu **Đỗ Khánh N**, sinh ngày 01/11/2014 và cháu **Đỗ Khánh N1**, sinh ngày 13/12/2017.

Giao con chung cháu **Đỗ Khánh N**, sinh ngày 01/11/2014 và cháu **Đỗ Khánh N1**, sinh ngày 13/12/2017 cho chị **Đặng Thị T** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh

Đỗ Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu **Đỗ Khánh N1** cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2024. Anh **T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về đất đai, tài sản chung: Chị **Đặng Thị T** và anh **Đỗ Văn T1** đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị **Đặng Thị T** và anh **Đỗ Văn T1** đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Đặng Thị T** tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002143 ngày 10/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, trả lại cho chị **Đặng Thị T** số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh **Đỗ Văn T1** phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Tiên Bộ, huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quan Thị Thu Trang